



# **HAGL Group**

## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý 2 năm 2010

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 31

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2010

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.262.292.509</b>	<b>7.403.555.092</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>1.224.546.617</b>	<b>1.944.228.950</b>
111	1. Tiền	4	1.224.546.617	1.944.228.950
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		<b>81.783.240</b>	<b>157.571.210</b>
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	157.571.210
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.970.557.532</b>	<b>2.956.113.887</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	2.221.381.708	1.694.730.505
132	2. Trả trước cho người bán	7	1.195.809.057	870.124.080
135	3. Các khoản phải thu khác	8	554.395.790	392.823.227
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.029.023)	(1.563.925)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>2.791.479.502</b>	<b>2.213.150.611</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	2.791.992.096	2.213.663.205
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(512.594)	(512.594)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>193.925.618</b>	<b>132.490.434</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.570.374	32.418.109
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		78.358.416	43.369.234
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		6.580.640	36.986
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	103.416.188	56.666.105
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.203.105.316</b>	<b>4.792.656.182</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>3.334.868.205</b>	<b>2.517.309.488</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	810.000.206	671.688.850
222	Nguyên giá		912.118.781	795.779.397
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(102.118.575)	(124.090.547)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	108.954.003	94.463.918
228	Nguyên giá		110.930.280	96.080.465
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.976.277)	(1.616.547)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	2.415.913.996	1.751.156.720
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>2.681.703.568</b>	<b>2.061.446.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	30.907.348	69.098.898
258	2. Đầu tư dài hạn khác	15	2.650.796.220	1.992.347.102
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>186.533.543</b>	<b>213.900.694</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	132.650.026	141.963.630
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	50.827.492	69.237.539
268	3. Tài sản dài hạn khác		3.056.025	2.699.525
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>14.465.397.825</b>	<b>12.196.211.274</b>

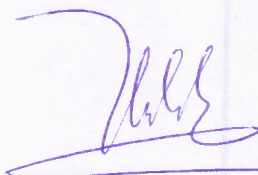
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2010

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.074.445.420</b>	<b>7.085.142.093</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.825.425.368</b>	<b>4.311.427.635</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	1.757.126.720	2.991.797.773
312	2. Phải trả cho người bán		585.619.229	197.537.916
313	3. Người mua trả tiền trước	18	61.955.021	44.397.490
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	335.376.998	265.774.014
315	5. Phải trả công nhân viên		22.061.037	17.811.136
316	6. Chi phí phải trả	20	740.169.452	644.983.946
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	21	287.902.206	132.540.015
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		35.214.705	16.585.345
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.249.020.052</b>	<b>2.773.714.458</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	22	23.632.110	23.992.393
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	2.559.554.069	2.248.707.163
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	664.267.824	499.210.181
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.566.049	1.804.721
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.904.507.390</b>	<b>4.694.914.864</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	24	<b>6.904.507.390</b>	<b>4.694.914.864</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.925.206.970	2.704.654.580
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.384.349.746	1.223.971.061
413	3. Phụ trội hợp nhất công ty con		(399.649.745)	(399.237.919)
415	4. Cổ phiếu quỹ		(30.091.699)	(30.091.699)
416	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		16.780.195	20.463.787
417	6. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	7. Quỹ dự phòng tài chính		155.333.177	82.528.069
420	8. Lợi nhuận chưa phân phối		1.843.956.009	1.084.004.248
<b>500</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>486.445.015</b>	<b>416.154.317</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.465.397.825</b>	<b>12.196.211.274</b>



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý 2 năm 2010

B02-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.189.280.276	1.138.735.050	2.512.515.611	2.049.835.399
02	2. Các khoản giảm trừ	25.1	(1.010.484)	(162.572)	(5.604.413)	(1.981.193)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.188.269.792	1.138.572.478	2.506.911.198	2.047.854.206
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(582.289.073)	(663.093.379)	(1.216.305.216)	(1.093.367.719)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		605.980.719	475.479.099	1.290.605.982	954.486.487
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	230.921.834	23.287.056	359.972.639	35.559.286
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	27	(55.916.731)	(47.458.933)	(92.823.824)	(111.092.828)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(53.741.249)	(44.414.225)	(89.192.882)	(107.760.194)
24	8. Chi phí bán hàng		(31.266.209)	(28.243.508)	(62.135.778)	(46.232.782)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(49.437.620)	(39.660.670)	(92.074.923)	(75.932.053)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		700.281.993	383.403.044	1.403.544.096	756.788.110
31	11. Thu nhập khác	28	22.160.891	30.723.253	26.283.110	32.816.150
32	12. Chi phí khác	28	(18.479.818)	(2.016.301)	(28.909.997)	(18.113.803)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	28	3.681.073	28.706.952	(2.626.887)	14.702.347

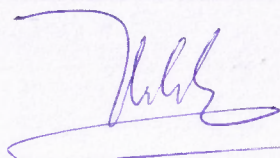
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B02-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		703.963.066	412.109.996	1.400.917.209	771.490.457
51	15. Thuế TNDN hiện hành	29.1	(89.639.765)	-	(137.038.948)	(721.325)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	29.2	(104.512.986)	(90.930.267)	(215.653.334)	(176.607.832)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		509.810.315	321.179.729	1.048.224.927	594.161.300
	Phân bổ cho:					
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		111.374.587	23.651.034	143.399.955	57.433.430
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		398.435.728	297.528.695	904.824.972	536.727.870
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)		1.436	1.121	3.286	2.023



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng

Ngày 09 tháng 8 năm 2010



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý 2 năm 2010

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh (HĐKD)</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>1.400.917.209</b>	<b>771.490.457</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11, 12, 16	74.006.693	38.559.683
03	Các khoản dự phòng		(534.902)	290.002
04	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện		(8.944.344)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(346.215.034)	(59.454.920)
06	Chi phí lãi vay	27	89.192.882	107.760.194
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.208.422.504</b>	<b>858.645.416</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(847.088.590)	31.518.869
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		4.722.642	(81.451.787)
11	Tăng các khoản phải trả		364.517.544	25.891.744
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		67.197.005	(34.158.733)
13	Tiền lãi vay đã trả		(210.460.361)	(146.479.917)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(77.692.602)	(167.742.578)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.438.743)	(1.178.778)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</b>		<b>456.179.399</b>	<b>485.044.236</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.235.818.006)	(224.521.125)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.148.359	30.448.530
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(991.776.400)	(285.059.360)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		466.693.598	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.445.090	12.991.649
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.698.307.359)</b>	<b>(466.140.306)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ		-	(30.091.699)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.567.143.271	1.572.345.520
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.044.697.644)	(1.273.799.050)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(269.721.752)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>522.445.627</b>	<b>(1.266.981)</b>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý 2 năm 2010

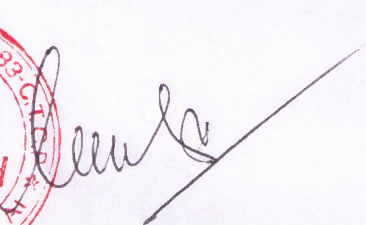
B03-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(719.682.333)	17.636.949
60	Tiền đầu kỳ		1.944.228.950	531.085.394
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	1.224.546.617	548.722.343



Bà Hồ Thị Kim Chi  
 Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Sự  
 Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2010



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có 38 công ty con và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 32 công ty con và 4 công ty liên kết). Hoạt động chính của Tập đoàn, thông qua công ty mẹ và các công ty con, là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác, chế biến và kinh doanh mủ cao su và gỗ cao su; xây dựng; khai khoáng; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) và được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý 2 năm 2010 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

### 2.4 *Đồng tiền hạch toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

### 2.5 *Hợp nhất báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được lập cho quý 2 năm 2010. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm chi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Đất đai chờ xây dựng căn hộ được trình bày trong mục Đầu tư dài hạn khác theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua quyền sử dụng đất, đền bù giải tỏa và san lấp mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

**3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản lỗ ước tính do giảm giá (do giảm giá trị, hư hỏng, lỗi thời .v.v...) nguyên vật liệu, thành phẩm, và các hàng tồn kho khác của Tập đoàn, căn cứ vào chứng cứ giảm giá phù hợp tồn tại vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, thủy điện, văn phòng cho thuê, trồng cây cao su và trà của Tập đoàn mà các công trình này chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo tài chính này.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Tài sản thuê**

Việc xác định xem một thỏa thuận là, hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với các công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

**3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Trích trước trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty trả bảo hiểm mất việc làm theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá quy định tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán; các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi vào nguồn vốn chủ sở hữu. Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được kết chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu căn hộ*

Đối với các căn hộ mà Tập đoàn bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua. Đối với các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tập đoàn có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của các căn hộ bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án căn hộ. Chi phí ước tính để xây dựng căn hộ được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Chính sách ghi nhận doanh thu này được áp dụng nhất quán với các năm trước và là một nguyên tắc được chấp thuận phổ biến tại Việt Nam và một số nước khác.

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.18 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

#### *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác .v.v...

#### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

#### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

### 3.20 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

## 4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.216.986.421	1.938.118.707
Tiền mặt tại quỹ	7.560.196	6.110.243
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.224.546.617</u></b>	<b><u>1.944.228.950</u></b>



## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

### 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Phải thu tiền bán căn hộ	1.646.336.042	1.540.626.758
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	489.906.003	139.319.364
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	85.139.663	14.784.383
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.221.381.708</u></b>	<b><u>1.694.730.505</u></b>

### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Trả trước cho nhà thầu	708.230.258	773.468.674
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	294.461.597	68.574.355
Trả trước mua quyền sử dụng đất và bất động sản	154.917.202	28.081.051
Trả trước tiền mua cổ phần	38.200.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.195.809.057</u></b>	<b><u>870.124.080</u></b>

Trả trước cho nhà thầu thể hiện các khoản tạm ứng để xây dựng các dự án bất động sản và thủy điện của Tập đoàn.

### 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	289.900.000	128.000.000
Phải thu nhân viên	77.727.303	74.971.330
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	59.740.537	61.136.442
Khoản cho vay các công ty	67.561.631	57.385.399
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	18.949.875	27.521.566
Các khoản khác	40.516.444	43.808.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>554.395.790</u></b>	<b><u>392.823.227</u></b>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	2.241.855.670	1.806.305.701
Thành phẩm	88.810.349	96.183.765
Hàng hóa	30.575.309	49.131.285
Hàng mua đang đi trên đường	131.574	9.970.486
Sản phẩm dở dang	214.454.491	119.973.449
<i>Trong đó:</i>		
<i>Sản xuất</i>	109.256.162	79.589.385
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	105.198.329	39.741.107
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	-	642.957
Nguyên vật liệu	205.038.931	129.034.391
Vật liệu xây dựng	-	91.694
Công cụ, dụng cụ	11.125.772	2.972.434
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.791.992.096</u></b>	<b><u>2.213.663.205</u></b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	83.658.822	47.785.437
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	19.554.930	8.757.210
Các khoản khác	202.436	123.458
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>103.416.188</u></b>	<b><u>56.666.105</u></b>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

							Ngàn VNĐ	
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Cây trồng lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>	
<b>Nguyên giá</b>								
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	423.631.909	237.314.494	115.010.780	6.652.686	6.635.322	6.534.206	795.779.397	
Tăng trong kỳ	23.746.663	112.940.853	52.152.915	1.844.464	63.023	441.488	191.189.406	
Giảm trong kỳ	<u>(24.320.268)</u>	<u>(37.645.641)</u>	<u>(12.125.110)</u>	<u>(336.231)</u>	-	<u>(422.772)</u>	<u>(74.850.022)</u>	
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u>423.058.304</u>	<u>312.609.706</u>	<u>155.038.585</u>	<u>8.160.919</u>	<u>6.698.345</u>	<u>6.552.922</u>	<u>912.118.781</u>	
<b>Khấu hao lũy kế</b>								
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	(36.015.307)	(62.828.217)	(20.317.343)	(2.245.207)	(773.523)	(1.910.950)	(124.090.547)	
Tăng trong kỳ	(7.291.749)	(13.037.099)	(6.696.203)	(763.992)	(83.953)	(466.992)	(28.339.988)	
Giảm trong kỳ	<u>14.591.509</u>	<u>34.223.885</u>	<u>784.555</u>	<u>289.239</u>	-	<u>422.772</u>	<u>50.311.960</u>	
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u>(28.715.547)</u>	<u>(41.641.431)</u>	<u>(26.228.991)</u>	<u>(2.719.960)</u>	<u>(857.476)</u>	<u>(1.955.170)</u>	<u>(102.118.575)</u>	
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>387.616.602</u>	<u>174.486.277</u>	<u>94.693.437</u>	<u>4.407.479</u>	<u>5.861.799</u>	<u>4.623.256</u>	<u>671.688.850</u>	
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u>394.342.757</u>	<u>270.968.275</u>	<u>128.809.594</u>	<u>5.440.959</u>	<u>5.840.869</u>	<u>4.597.752</u>	<u>810.000.206</u>	

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	89.237.364	6.843.101	96.080.465
Tăng trong kỳ	15.469.864	201.460	15.671.324
Giảm trong kỳ	(778.751)	(42.758)	(821.509)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u>103.928.477</u>	<u>7.001.803</u>	<u>110.930.280</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	(1.352.594)	(263.953)	(1.616.547)
Tăng trong kỳ	(98.972)	(303.516)	(402.488)
Giảm trong kỳ	-	42.758	42.758
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010	<u>(1.451.566)</u>	<u>(524.711)</u>	<u>(1.976.277)</u>
<b>Giá trị thuần</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>87.884.770</u>	<u>6.579.148</u>	<u>94.463.918</u>
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u>102.476.911</u>	<u>6.477.092</u>	<u>108.954.003</u>

### 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Văn phòng cho thuê	686.857.704	663.550.389
Chi phí trồng cây cao su và trà	751.416.696	541.842.682
Nhà máy thủy điện	756.067.493	445.607.334
Nhà xưởng, nhà văn phòng và nông trường	65.285.700	82.011.839
Các công trình xây dựng khác	156.286.403	18.144.476
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>2.415.913.996</b></u>	<u><b>1.751.156.720</b></u>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

### 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh - Mang Yang	Trồng cao su	-	-	40,00	41.705.588
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	42,73	15.573.259	39,20	14.431.170
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.451.929	25,00	7.457.531
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn	25,00	7.882.160	25,00	5.504.609
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>30.907.348</u></b>		<b><u>69.098.898</u></b>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	2.253.265.294	1.217.848.242
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh	103.756.228	492.991.756
Cho vay Chính phủ Lào	275.064.546	266.120.201
Đầu tư vào cổ phiếu phổ thông	18.710.152	15.386.903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.650.796.220</b>	<b>1.992.347.102</b>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Số đầu kỳ	141.963.630	331.880.376
Tăng trong kỳ	35.227.370	25.134.146
Giảm do thanh lý hợp đồng	(43.463)	-
Phân bổ và kết chuyển trong kỳ	(44.497.511)	(17.458.753)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>132.650.026</b>	<b>339.555.769</b>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.450.000.000
Các khoản vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	1.061.313.310	842.197.137
Vay các tổ chức và cá nhân khác	-	57.000
	1.061.313.310	842.254.137
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	695.813.410	699.543.636
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.757.126.720</b>	<b>2.991.797.773</b>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Khách hàng thương mại trả tiền trước	30.568.490	42.900.982
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	31.386.531	1.496.508
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.955.021</b>	<b>44.397.490</b>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

### 19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	248.860.635	133.031.368
Thuế giá trị gia tăng	84.726.979	130.553.105
Thuế thu nhập cá nhân	1.068.622	943.412
Các khoản phải nộp khác	720.762	1.246.129
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>335.376.998</u></b>	<b><u>265.774.014</u></b>

### 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí để xây dựng hoàn thành các căn hộ đã bán	666.065.251	548.643.141
Chi phí lãi vay	17.776.568	35.503.544
Chi phí bảo hành căn hộ	24.090.572	28.994.252
Tiền phạt do bàn giao căn hộ trễ tiến độ	18.578.621	18.982.400
Các khoản khác	13.658.440	12.860.609
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>740.169.452</u></b>	<b><u>644.983.946</u></b>

### 21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Phải trả các công ty khác	114.716.584	53.188.942
Phải trả tiền mua cổ phần	58.921.000	-
Phải trả nhân viên	34.205.429	23.441.156
Phải trả tiền mua đất	18.259.456	18.259.456
Phải trả cổ tức	24.150.000	17.400.000
Tiền phạt do bàn giao căn hộ trễ tiến độ	6.762.543	7.649.096
Các khoản khác	30.887.194	12.601.365
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>287.902.206</u></b>	<b><u>132.540.015</u></b>

### 22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Nhận ứng trước tiền bán giảm phát thải "CER"	19.757.878	19.757.878
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	3.874.232	4.234.515
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.632.110</u></b>	<b><u>23.992.393</u></b>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

### 23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Trái phiếu thường	1.450.000.000	1.450.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	1.805.367.479	1.498.250.799
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.255.367.479</u></b>	<b><u>2.948.250.799</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)</i>	<i>695.813.410</i>	<i>699.543.636</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>2.559.554.069</i>	<i>2.248.707.163</i>



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 24.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ								
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.704.654.580	1.223.971.061	(399.237.919)	(30.091.699)	20.463.787	8.622.737	82.528.069	1.084.004.248	4.694.914.864
Lợi nhuận thuần trong kỳ								904.824.972	904.824.972
Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	220.552.390	1.214.447.610							1.435.000.000
Trình bày lại khoản cổ tức được chia từ lợi nhuận trước ngày mua cổ phần của Công ty CP XD & PT nhà Hoàng Anh		(54.068.925)							(54.068.925)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính							72.805.108	(72.805.108)	-
Khen thưởng, phúc lợi								(67.789.860)	(67.789.860)
Phụ trội hợp nhất			(411.826)						(411.826)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái					(3.683.592)				(3.683.592)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát								(4.278.243)	(4.278.243)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	<u>2.925.206.970</u>	<u>2.384.349.746</u>	<u>(399.649.745)</u>	<u>(30.091.699)</u>	<u>16.780.195</u>	<u>8.622.737</u>	<u>155.333.177</u>	<u>1.843.956.009</u>	<u>6.904.507.390</u>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

### 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 24.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	292.520.697	270.465.458
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	292.520.697	270.465.458
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	292.520.697	270.465.458
Cổ phiếu quỹ	512.290	512.290
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	512.290	512.290
Cổ phiếu đang lưu hành	292.008.407	269.953.168
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	292.008.407	269.953.168

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND			
	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>1.189.280.276</b>	<b>1.138.735.050</b>	<b>2.512.515.611</b>	<b>2.049.835.399</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu căn hộ</i>	715.036.802	903.414.692	1.527.969.968	1.586.778.321
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	344.379.899	82.124.406	674.973.105	176.946.557
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	57.788.132	112.448.108	201.501.065	218.957.781
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	72.075.443	40.747.844	108.071.473	67.152.740
<b>Trừ</b>	<b>(1.010.484)</b>	<b>(162.572)</b>	<b>(5.604.413)</b>	<b>(1.981.193)</b>
Hàng bán trả lại	(897.588)	(162.572)	(5.409.199)	(1.929.579)
Giảm giá hàng bán	(996)	-	(11.887)	(51.614)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(111.900)	-	(183.327)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.188.269.792</b>	<b>1.138.572.478</b>	<b>2.506.911.198</b>	<b>2.047.854.206</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu căn hộ</i>	715.036.802	903.414.692	1.527.969.968	1.586.778.321
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	343.482.311	81.961.834	674.053.015	174.965.364
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	57.788.132	112.448.108	201.501.065	218.957.781
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	71.962.547	40.747.844	103.387.150	67.152.740

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

### 25. DOANH THU (tiếp theo)

#### 25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Ngàn VNĐ

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	197.878.598	-	297.090.628
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.776.621	9.348.073	45.695.089	12.424.918
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.196.580	5.555.003	11.116.887	7.842.445
Phần sở hữu lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết	4.808.450	3.526.479	4.808.450	7.046.076
Các khoản khác	1.261.585	4.857.501	1.261.585	8.245.847
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>230.921.834</b>	<b>23.287.056</b>	<b>359.972.639</b>	<b>35.559.286</b>

### 26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Ngàn VNĐ

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Giá vốn căn hộ	377.130.188	513.112.753	730.539.294
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	156.674.589	60.504.977	356.160.029	136.967.325
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	22.186.020	70.115.467	79.957.001	114.123.737
Giá vốn dịch vụ cung cấp	26.298.276	19.360.182	49.648.892	38.435.915
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>582.289.073</b>	<b>663.093.379</b>	<b>1.216.305.216</b>	<b>1.093.367.719</b>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

B09-DN/HN

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	53.741.249	44.414.225	89.192.882	107.760.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.147.778	3.044.708	3.603.238	3.331.115
Các khoản khác	27.704	-	27.704	1.519
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.916.731</b>	<b>47.458.933</b>	<b>92.823.824</b>	<b>111.092.828</b>

28. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>22.160.891</b>	<b>30.723.253</b>	<b>26.283.110</b>	<b>32.816.150</b>
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	15.736.450	28.633.508	16.148.359	28.633.508
Các khoản khác	6.424.441	2.089.745	10.134.751	4.182.642
<b>Chi phí khác</b>	<b>(18.479.818)</b>	<b>(2.016.301)</b>	<b>(28.909.997)</b>	<b>(18.113.803)</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(12.716.488)	(2.016.301)	(18.277.493)	(18.113.803)
Các khoản khác	(5.763.330)	-	(10.632.504)	-
<b>Lãi/(lỗ) thuần</b>	<b>3.681.073</b>	<b>28.706.952</b>	<b>(2.626.887)</b>	<b>14.702.347</b>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

### 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành và còn hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>6 tháng đầu năm 2010</i>	<i>Ngàn VNĐ 6 tháng đầu năm 2009</i>
Thuế TNDN hiện hành	137.038.948	721.325
Thuế TNDN hoãn lại	215.653.334	176.607.832
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>352.692.282</u></b>	<b><u>177.329.157</u></b>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

### 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 29.1 Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2010	Ngàn VNĐ 6 tháng đầu năm 2009
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.400.917.209</b>	<b>771.490.457</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế</b>		
<b>Điều chỉnh tăng</b>		
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và chịu thuế kỳ này	1.497.800	54.083.707
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong kỳ nhưng chưa chịu thuế	715.770.892	905.968.516
Chi phí đất phân bổ trên báo cáo hợp nhất	36.910.224	20.867.900
Chi phí trích trước	92.950.269	-
Các khoản lỗ của các công ty con	71.650.596	37.738.499
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	1.112.067	563.757
<b>Điều chỉnh giảm</b>		
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm nhưng chưa chịu thuế kỳ này	(1.527.969.968)	(1.744.154.618)
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và chịu thuế kỳ này	(6.711.452)	(51.259.073)
Lợi nhuận nội bộ chịu thuế đã kê khai nộp thuế năm trước	(10.746.112)	(62.262.681)
Lợi nhuận trong công ty liên kết	(4.808.450)	(7.046.076)
Chi phí trích trước năm trước đã trả kỳ này	(87.834.003)	(60.143.220)
Các thu nhập khác	(2.375.325)	(1.089.134)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước khi chuyển lỗ</b>	<b>680.363.747</b>	<b>(135.241.966)</b>
Lỗ tính thuế mang sang từ các năm trước	-	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>680.363.747</b>	<b>(135.241.966)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%</b>	<b>170.090.937</b>	<b>-</b>
Trích thiếu thuế TNDN năm trước	1.865.876	721.325
Giảm 30% thuế TNDN (*)	(34.917.865)	-
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>137.038.948</b>	<b>721.325</b>

(\*) Đây là khoản thuế TNDN được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

### 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 29.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ghi nợ (có) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>
<b><i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i></b>			
Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con	24.903.397	19.450.913	(5.452.484)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	2.686.528	3.910.600	1.224.072
Chi phí trích trước	23.237.567	45.876.026	22.638.459
	<b>50.827.492</b>	<b>69.237.539</b>	
<b><i>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</i></b>			
Lợi thế thương mại âm hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	61.439.435	61.439.435	-
Lợi nhuận từ doanh thu căn hộ ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành chưa phải nộp thuế	707.316.032	510.072.745	197.243.287
	768.755.467	571.512.180	215.653.334
Thuế TNDN ứng trước phải trả từ các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của khách hàng	(104.487.643)	(72.301.999)	
	<b>664.267.824</b>	<b>499.210.181</b>	
<b><i>Thuế thu nhập hoãn lại thuần ghi nợ trong kết quả hoạt động kinh doanh</i></b>			<b>215.653.334</b>

### 30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 19 tháng 7 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty họp và thông qua Nghị quyết về việc thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và trả cổ tức bằng tiền. Công ty đã thông báo đại chúng để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, theo đó ngày đăng ký cuối cùng là ngày 05 tháng 8 năm 2010. Nội dung cụ thể như sau:

- Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc:
  - ✓ Kế hoạch và phương án phát hành riêng lẻ 19.000.000 cổ phiếu phổ thông cho đối tác chiến lược để tăng vốn điều lệ của Công ty;
  - ✓ Kế hoạch và phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ đồng cho đối tác chiến lược;



## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

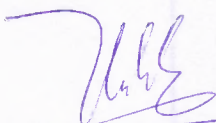
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý 2 năm 2010

### 30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)


- ✓ Bổ sung nội dung chi tiết phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (phương án tổng thể đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010); và
- ✓ Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2010 từ mức 2.681 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng.
- Trả cổ tức bằng tiền: Mức trả cổ tức là 1.000 đồng/cổ phần và ngày thanh toán dự kiến là ngày 26 tháng 8 năm 2010.

Ngày 26 tháng 7 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty họp và thông qua Nghị quyết về việc phát hành riêng lẻ trái phiếu thưởng với tổng giá trị 1.000 tỷ đồng. Công ty hiện đang tiến hành các thủ tục phát hành và dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 8 năm 2010.

Trong tháng 7 năm 2010, Công ty đã bán thêm 18.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh (chiếm 9,25% vốn điều lệ) với tổng giá trị hợp đồng là 917 tỷ đồng. Tính đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã bán 23.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh (chiếm 11,75% vốn điều lệ) với tổng giá trị hợp đồng là 1.167 tỷ đồng.



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2010